

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:*

- Ông **Phạm Thế Nguyên V**; sinh năm: 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 38 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: đường M8, tổ 41 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Lê Thị Thu N**, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 38 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: 732 N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 01 năm 2023, người yêu cầu là ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2011 quyển số 01 do UBND phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09.8.2011), hôn nhân tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông bà đều xác định không còn tình cảm gì với nhau và đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Lê V, sinh ngày 01.6.2012 và Phạm An N, sinh ngày 15.6.2016. Ly hôn, ông bà thỏa thuận bà Lê Thị Thu N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Ông Phạm Thế Nguyên V sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.000.000 đồng (500.000 đồng/01 con) cho đến khi các con của ông bà đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2023.

[3] Về tài sản chung: ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N khẳng định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N khẳng định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N mỗi người chịu 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 06663 ngày 11/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2011 quyển số 01 do UBND phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09.8.2011).

* Về con chung: ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Lê V, sinh ngày 01.6.2012 và Phạm An N, sinh ngày 15.6.2016. Ly hôn, ông bà thỏa thuận bà Lê Thị Thu N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Ông Phạm Thế Nguyên V sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.000.000

đồng (500.000 đồng/01 con) cho đến khi các con của ông bà đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2023.

Các bên có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về tài sản chung: ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N khẳng định vợ chồng không có tài sản chung.

* Về nợ chung: ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N khẳng định vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông Phạm Thế Nguyên V và bà Lê Thị Thu N mỗi người chịu 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 06663 ngày 11/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND quận S;
- Các đương sự;
- CC THADS quận S;
- UBND phường ,
quận S , TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa

